

Đương Số: Nguyễn Hồng Phúc - Dương Nam
 Cung mệnh: **Đinh Sửu** - Thai Nguyên: **Bính Tý**
 Thân Nhược: **Mộc** 22/50
 Dụng Thần: **Mộc Thủy**

Trụ Năm 2020 Quan CANH TỶ Đ.Vượng TỶ Đ.Vượng CANH TỶ Từ Quý Kiêu Bệnh	Trụ Tháng 09 TỶ Tuyệt ÁT Tuyệt DẬU Tân Tân Sát Sát L.Quan	Trụ Ngày 29 Thân Ấn Tuyệt ÁT HỢI Từ Giáp Nhâm Kiếp Ấn Thai M.Dục	Trụ Giờ 14:01 Kiêu Bệnh QUÝ Mộ MÙI Mộ Kỷ Ất Đinh T.Tài Tý Thực T.Sinh Tuyệt T.Sinh
Bệnh Nguyệt Đức QN Thiên Ất QN Tướng Tinh Đào Hoa Đức Quý Nhân	Tuyệt Đào Hoa Không Vong Tú Quý Nhân Giảo Thiên Hỷ	Từ Văn Xương Học Sỹ Thái Cực Quốc Ấn Tú Quý Nhân Vong Thần	Dưỡng Hoa Cái Đại Hao
Đại Vận 0 (0 - 1 tuổi) TỶ Tuyệt ÁT DẬU Từ DẬU Tân Sát L.Quan	Đại Vận 1 (2 - 11 tuổi) Thương BÍNH Mộ TUẤT Đinh Tân Mậu Đinh Tân Tài Thực Sát Mộ Dưỡng Q.Đới	Đại Vận 2 (12 - 21 tuổi) Thực ĐINH HỢI Thai Giáp Nhâm Kiếp Ấn T.Sinh L.Quan	Đại Vận 3 (22 - 31 tuổi) Tài Thai MẬU TỶ Thai TỶ Quý Kiêu L.Quan
Đại Vận 4 (32 - 41 tuổi) T.Tài KỶ SỬU Mộ Kỷ Tân Quý T.Tài Sát Kiêu Mộ Dưỡng Q.Đới	Đại Vận 5 (42 - 51 tuổi) Quan CANH DẦN Tuyệt Giáp Bính Mậu Kiếp Thương Tài L.Quan T.Sinh T.Sinh	Đại Vận 6 (52 - 61 tuổi) Sát TÂN MÃO Tuyệt TÂN MÃO Tuyệt Ất Tỷ L.Quan	Đại Vận 7 (62 - 71 tuổi) Ấn Mộ NHÂM THÌN Mộ Mậu Ất Quý Tài Tỷ Kiêu Q.Đới Q.Đới Dưỡng
Đại Vận 8 (72 - 81 tuổi) Kiêu QUÝ TỶ Thai Bính Mậu Canh Thương Tài Quan L.Quan L.Quan T.Sinh	Đại Vận 9 (82 - 91 tuổi) Kiếp GIÁP NGỌ Từ Đinh Kỷ Thực T.Tài L.Quan L.Quan	Đại Vận 10 (92 - 101 tuổi) Tỷ ÁT MÙI Dưỡng Kỷ Ất Đinh T.Tài Tỷ Thực Q.Đới Dưỡng Q.Đới	Đại Vận 11 (102 - 111 tuổi) Thương BÍNH THÂN Bệnh Canh Mậu Nhâm Quan Tài Ấn L.Quan Bệnh T.Sinh

Quan 2020 1 tuổi CANH TỶ Từ	Sát 2021 2 tuổi TÂN SỬU Dưỡng	Ấn 2022 3 tuổi NHÂM DẦN Bệnh	Kiêu 2023 4 tuổi QUÝ MÃO T.Sinh	Kiếp 2024 5 tuổi GIÁP THÌN Suy
TỶ 2025 6 tuổi ÁT TỶ M.Dục	Thương 2026 7 tuổi BÍNH NGỌ Đ.Vượng	Thực 2027 8 tuổi ĐINH MÙI Q.Đới	Tài 2028 9 tuổi MẬU THÂN Bệnh	T.Tài 2029 10 tuổi KỶ DẬU T.Sinh
Quan 2030 11 tuổi CANH TUẤT Suy	Sát 2031 12 tuổi TÂN HỢI M.Dục	Ấn 2032 13 tuổi NHÂM TỶ Đ.Vượng	Kiêu 2033 14 tuổi QUÝ SỬU Q.Đới	Kiếp 2034 15 tuổi GIÁP DẦN L.Quan
TỶ 2035 16 tuổi ÁT MÃO L.Quan	Thương 2036 17 tuổi BÍNH THÌN Q.Đới	Thực 2037 18 tuổi ĐINH TỶ Đ.Vượng	Tài 2038 19 tuổi MẬU NGỌ Đ.Vượng	T.Tài 2039 20 tuổi KỶ MÙI Q.Đới
Quan 2040 21 tuổi CANH THÂN L.Quan	Sát 2041 22 tuổi TÂN DẬU L.Quan	Ấn 2042 23 tuổi NHÂM TUẤT Q.Đới	Kiêu 2043 24 tuổi QUÝ HỢI Đ.Vượng	Kiếp 2044 25 tuổi GIÁP TỶ M.Dục
TỶ 2045 26 tuổi ÁT SỬU Suy	Thương 2046 27 tuổi BÍNH DẦN T.Sinh	Thực 2047 28 tuổi ĐINH MÃO Bệnh	Tài 2048 29 tuổi MẬU THÌN Q.Đới	T.Tài 2049 30 tuổi KỶ TỶ Đ.Vượng
Quan 2050 31 tuổi CANH NGỌ M.Dục	Sát 2051 32 tuổi TÂN MÙI Suy	Ấn 2052 33 tuổi NHÂM THÂN T.Sinh	Kiêu 2053 34 tuổi QUÝ DẬU Bệnh	Kiếp 2054 35 tuổi GIÁP TUẤT Dưỡng
TỶ 2055 36 tuổi ÁT HỢI Từ	Thương 2056 37 tuổi BÍNH TỶ Thai	Thực 2057 38 tuổi ĐINH SỬU Mộ	Tài 2058 39 tuổi MẬU DẦN T.Sinh	T.Tài 2059 40 tuổi KỶ MÃO Bệnh
Quan 2060 41 tuổi CANH THÌN Dưỡng	Thương 2061 42 tuổi Sát TÂN TỶ Từ	Ấn 2062 43 tuổi NHÂM NGỌ Thai	Kiêu 2063 44 tuổi QUÝ MÙI Mộ	Kiếp 2064 45 tuổi GIÁP THÂN Tuyệt
TỶ 2065 46 tuổi ÁT DẬU Tuyệt	Thương 2066 47 tuổi BÍNH TUẤT Mộ	Thực 2067 48 tuổi ĐINH HỢI Thai	Tài 2068 49 tuổi MẬU TỶ Thai	T.Tài 2069 50 tuổi KỶ SỬU Mộ

Quan CANH	2070 DẦN	51 tuổi Tuyệt	7 Sát TÂN	2071 MÃO	52 tuổi Tuyệt	An NHÂM	2072 THÌN	53 tuổi Mộ	Kiểu QUÝ	2073 TỶ	54 tuổi Thai	Kiểu GIÁP	2074 NGỌ	55 tuổi Tử
Tỷ ÁT	2075 MÙI	56 tuổi Dưỡng	Thương BÍNH	2076 THÂN	57 tuổi Bệnh	Thực ĐINH	2077 DẬU	58 tuổi T.Sinh	Tài MẬU	2078 TUẤT	59 tuổi Mộ	T.Tài KỶ	2079 HỢI	60 tuổi Thai

Kim Hòa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Cháu những vấn đề mà Quý Cháu đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Cháu hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Cháu không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Cháu dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hệ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Cháu nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi đều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Cháu cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Cháu đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTuong.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Cháu mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là [Át Mộc](#) gặp địa chi trụ năm [Tý Thủy](#) được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là [Át Mộc](#) gặp địa chi trụ tháng [Dậu Kim](#) không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là [Át Mộc](#) gặp địa chi trụ ngày [Hợi Thủy](#) được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là **Át Mộc** gặp địa chi trụ giờ **Mùi Thổ** không thông, là vô căn.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 5/10

Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Canh** sinh tháng **Dậu** tọa ở **Đế Vượng** nên được Lệnh tháng.

Can Tháng **Át** sinh tháng **Dậu** tọa ở **Tuyệt** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Át** sinh tháng **Dậu** tọa ở **Tuyệt** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Quý** sinh tháng **Dậu** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: **Bính Tý** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai tức: **Canh Dần** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Bính Tý và Canh Dần này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên **Bính Tý** nạp âm là **Thủy**, gặp cung mệnh **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy** là bình hòa, theo lý là cuộc đời Quý Cháu phúc lộc bình hòa.

Thai nguyên **Bính Tý** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ năm Canh **Tý** nạp âm là **Thổ** là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi thiếu niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Bính Tý** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ tháng **Át Dậu** nạp âm là **Thủy** là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi thanh niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Bính Tý** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ ngày **Át Hợi** nạp âm là **Hỏa** là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi trung niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Bính Tý** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ giờ **Quý Mùi** nạp âm là **Mộc** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quý** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm Canh **Tý** là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Át Dậu** là Kim khắc **Mộc**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Át Hợi** là **Thủy** sinh **Mộc**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Quý Mùi** là **Thổ** khắc **Thủy**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức trung bình, không có gì gọi là sáng sủa, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 4/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi **Hợi Tý** này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp **Thủy**, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi **Át Hợi** và **Át Dậu** này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi **Hợi Mùi** này thuộc nhóm **Hợi Mão Mùi** tam hợp **Mộc**, tốt.

Thân Nhược: **Mộc 22/50**

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Cháu có **Thân Mộc** Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là **22/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán

khác về thân vượng nhược mà ở đây 16/36 điểm cũng là thân Nhược do đó rất chắc chắn Quý Cháu là **Thân Nhược Mộc**. Để Quý Cháu Trai rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, do đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược Mộc thì dụng thần nên là **Thủy** để sinh thêm **Mộc**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Cháu là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Cháu là một người có bối cảnh bát tự là cây cỏ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Cháu là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Cháu khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Cháu không chết úng.

Dụng Thần: Mộc Thủy (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Mộc (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cấy giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tổ chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Cháu vì **Mộc** là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Thủy (dụng thần 2)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rửa, nước chảy, cày khô, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sỹ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Cháu vì **Thủy** là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Cháu nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Cháu là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Cháu là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Cháu hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Cháu có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Cháu, ví dụ chữ dụng thần Quý Cháu có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Cháu hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Cháu, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Cháu mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm **Canh Tý** bị **Bính Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Ngọ**.

Trụ Tháng **Át Dậu** bị **Tân Mão** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Tân Mão**.

Trụ Ngày **Át Hợi** bị **Tân Ty** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Tân Ty**.

Trụ Giờ **Quý Mùi** bị **Kỷ Sửu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Kỷ Sửu**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Cháu nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Cháu, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Cháu hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương	Hoàn chỉnh Dương	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Ấm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Đa Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoè
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đờm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đai	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Mộc

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Mộc có nước da hơi xanh, hai bàn tay dày, ngón tay ngón chân dài, mũi dài, thân mình cao vừa phải và hơi gầy; chân mày thưa, râu cũng thưa; cằm vuông, miệng vuông; môi hơi dày, răng bằng và hai răng cửa hơi lớn; đi đứng nhanh nhẹn, cử chỉ lạnh lẽ, tiếng nói đều đều nhưng âm lượng hơi cao. Nhìn chung, người thuộc Mộc ít gặp những bất trắc lớn trong cuộc đời, dẫu sống trong cảnh nghèo đói vẫn được yên ổn.

Người mà Mộc khí tử tuyệt thì lông mày không ngay ngắn, cổ dài, yết hầu lộ, da thịt kém tươi, tính cách biến lộn, hay lừa dối.

Nhìn chung, người thuộc Mộc hợp với phương Đông, làm về các nghề mộc, giấy, trồng hoa, cây giống, hương liệu, đồ tế lễ hoặc kinh doanh về các nghề trên thì thường dễ dàng, may mắn.

Quý Cháu Người Thuộc Mộc Nhược

Người Mộc suy thì tóc thưa, vóc người gầy, tính cách hẹp hòi, đố kỵ, bất nhân, bất nghĩa. Nếu người Mộc quá suy thì cũng hay mắc các bệnh như người Mộc quá vượng (bệnh về gan, mật, thận kinh hoặc xương khớp), nhưng thường dễ mắc các bệnh về gan, mật hơn người Mộc quá vượng.

Cung Mệnh ở Sửu có sao Thiên ách

Quý Cháu trước khó sau thông, xa quê vất vả nhưng về sau tốt.

Trụ năm của Quý Cháu có Chánh Quan

Trụ năm có chính quan (quan) nếu Tứ trụ không có thương quan, không vong phá hoại thì được âm đức của ông bà bố mẹ trợ giúp. Thiếu niên dễ thành danh, học tập khoa bảng đỗ đạt. Nếu can chi đều chính quan thì tự thân thành danh hoặc sinh ở gia đình có truyền thống tốt đẹp. Năm can chính quan là làm con trưởng thừa kế sự nghiệp gia đình.

Trụ tháng của Quý Cháu có Tỷ

Trụ tháng có tỷ kiên (Tỉ) là có anh chị em nuôi hoặc là con nuôi, có khuynh hướng độc lập không dựa vào gia đình, thích tranh luận biện lý tài. Trường hợp tháng chi có tỷ kiên nữa mà trong trụ không có sao quan thì tính bạo loạn.

Trụ ngày của Quý Cháu có Chánh Ấn

Trụ ngày có chính ấn (ấn) thì có bạn đời thông minh, đôn hậu, lương thiện. Nếu gặp thiên nguyệt đức quý nhân, một đời ít bệnh, gặp hung hóa cát nhân từ đạo đức.

Trụ giờ của Quý Cháu có Thiên Ấn

Trụ giờ có thiên ấn (kiêu) thì con cái thông minh, đa tài đa nghệ nhưng cố chấp, cô độc. Nếu có ngày tọa dương nhữn thì vợ sinh đẻ khó, có sản ách. Thiên ấn (kiêu) là sao khắc con nên đối với con cái bất lợi.

Tứ Trụ của Quý Cháu có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Tứ Trụ của Quý Cháu có Nguyệt đức quý nhân

Nguyệt đức quý nhân nếu có cả Thiên đức quý nhân thành mệnh mang Thiên Nguyệt Đức quý nhân: gặp hung hóa cát không gặp hình xung khắc phá đã tốt lại thêm tốt.

Tứ Trụ của Quý Cháu có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Trụ ngày có Chính ấn và Dương nhữn cùng trụ

Chính ấn và Dương nhữn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

Tứ Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

Trong tứ trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

a: Với hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.

b: Với kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhữn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.

c: Với kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tứ trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan.

Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao.

Người tứ trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang.

Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt.

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh

có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tứ khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Giảo (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba trước mệnh là giảo. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba sau mệnh là giảo. Giảo nghĩa là trói buộc, cột vào. Mệnh gặp Cấu Giảo hai sát đó thân bị khắc sát, nhưng nhiều cơ mưu, chủ về nắm các việc hình pháp hoặc là tướng soái, những việc sát phạt. Gặp cả hai Cấu Giảo càng nặng, gặp một thì nhẹ hơn, đi với quan sát thì nặng. Ngày hoặc tuế vận gặp giảo là chủ về tai nạn nát thân.

Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong tức là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gặp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gặp tài cục là tài vượng, gặp quan cục là quan vượng, gặp thương quan cục là xì hơi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thần, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt tức là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu tức là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẫn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tửu sắc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghề nhờ việc công.

Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nổi được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

Đại hao / Nguyên thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 156)

Nguyên thần còn có tên là Đại hao, là không hợp. Dương sau âm trước là có gấp khúc, gấp khúc là việc không suôn sẻ; Âm sau Dương trước là thẳng nhưng không toại nguyện tức là việc có bạo động mà không trị được, nên gọi là nguyên thần.

Nguyên thần là thần hại trong mệnh. Người trong tứ trụ đã có Thất Sát làm hại, còn gặp phải nguyên thần thì hại càng nặng hơn, không có nguyên thần thì nhẹ.

Nguyên thần tuy xấu, lưu niên đại vận gặp là không tốt, nhưng biết được điều xấu, tránh xa phương của nguyên thần thì có thể vô hại.

Hàm trì / Đào hoa

Người mà tứ trụ gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần túy không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là

người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quân chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kỵ kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ách quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thể. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thì đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vươn lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Trụ năm gặp đất trường sinh để vượng

Trụ năm gặp đất trường sinh để vượng, không bị xung khắc, lại được lệnh tháng sinh là chủ về cha mẹ tinh nhanh, tháo vát, dung nhan đẹp, người khỏe trường thọ.

Can năm Quý Cháu được lệnh tháng sinh là cha trường thọ

Chi năm Quý Cháu được lệnh tháng sinh là mẹ trường thọ

Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ

Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Cháu gặp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Trụ năm Quý Cháu gặp quan tinh chính ấn thì cha mẹ làm quan cao sang.

Can năm gặp quan tinh, chi năm gặp tướng tinh là cha mẹ phú quý, trung hậu

Trụ năm gặp tài, quan, ấn lại còn gặp sinh vượng là cha mẹ không giàu thì sang.

Trụ năm gặp tài, quan vượng là cha mẹ vinh hiển.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỷ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Trụ ngày yếu nhưng được ấn tinh sinh phù thì được cha mẹ thương yêu.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phạm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Ngày giáp ất gặp vận dần mao.

Ngày giáp ất gặp đại vận lưu niên có dần mao là chủ về kiếp tài, phá tài, khắc cha mẹ và gặp những việc phải tranh giành nhau.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị li dị.

Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giành tôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giành giật nhau châu báu hồng, nên gọi là tỉ kiếp khắc cha.

Ấn bị xung khắc là mẹ hiền nhưng mất sớm.

Ấn thụ bị khắc là mẹ không chết thì cũng đi xa.

Ấn tinh yếu quá lại đóng ở tuyệt địa là mẹ mất sớm.

Trụ năm Quý Cháu là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Trụ giờ Quý Cháu khắc trụ năm là lúc cha mẹ mất không gặp mình.

Trong Tứ trụ Quý Cháu đều có chính ấn và thiên ấn thì nhất định là có mẹ kế.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Quan gặp vượng địa thì ông cha vinh hiển.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Ấn thụ không bị thương tổn, lại còn sinh cho thân thì nhà cửa sang quý.

Can năm đóng ở đế vượng lại gặp quan là tổ tiên phú quý.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc ấn thụ

Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc ấn thụ và không bị khắc hại, hình, xung thì tổ nghiệp phú quý vinh hoa.

Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, mộ địa hoặc bị hình, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lên đênh.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Trong Tứ trụ gặp cả vong thần, thất sát là cha ông không để lại được gì.

Hàm trì hợp với quan là nhà sa sút, người xa rời nhau.

Trụ tháng phá tài quan là ông cha nghèo không để gì lại gì, tay trắng dựng cơ đồ.

Kiều thần đóng ở ngôi tí là phá mộ tổ.

Tứ trụ đều có kiêu, ấn là ông cha lên đênh phiêu bạt.

Anh Em Huynh Dê

Tỉ kiếp Quý Cháu gặp nhiều là anh chị em đông đúc.

Tỉ kiếp Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Trụ ngày Quý Cháu yếu, mà không có tỉ kiếp thì lấy ấn để tính số lượng anh em.

Lệnh tháng Quý Cháu gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Cháu về hôn nhân như sau.

Quý Cháu Nam tuổi Canh **Tý** hợp với Nữ tuổi Tân **Dần** - **Mậu Thân** - **Kỷ Dậu** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Cháu có thể tùy ý chọn.

Trụ ngày Quý Cháu tương sinh cho nhau là vợ chồng đảm thắm, can sinh chi là chồng yêu vợ, chi sinh can là vợ yêu chồng.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Át Hợi** là **Thủy** sinh **Mộc**.

Nam gặp tỉ kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tỉ kiếp sẽ tranh chồng.

Quý Cháu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Cháu có Kiếp tài đóng ở ngày, chủ về vợ nội trợ tốt, hoặc nhờ vợ mà phát tài.

Quý Cháu có Quý nhân đóng ở ngày là vợ hiền lành, đẹp, có danh tiếng.

Chi ngày Quý Cháu là dần thân tị hợp thì vợ đôn hậu

Mệnh nam Quý Cháu lấy suy làm hại.

Quý Cháu Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.

Quý Cháu Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Cháu có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Cháu có Trụ ngày không có tài là xa lìa vợ.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn cửa nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ cửa lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Quý Cháu Ấn thụ thông suốt, gặp phát tài thì phát, gặp quan thì vinh hiển.

Quý Cháu thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Quý Cháu có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.

Quý Cháu có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Quý Cháu Trong trụ vốn có quan tinh thì nên hành đến tài vận, hành tài vận sẽ sinh quan.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Tài sẽ sinh Quan.

Quý Cháu có Ấn nhiều hành đến tài vận sẽ phát phúc.

Trụ ngày Quý Cháu là giáp át, đến vận mà gặp dần mao thì kiếp tài phá tài.

Quý Cháu Quan vượng, thân nhược, đến vận mà gặp Quan nữa thì tai hại vô cùng, phá tài là chắc chắn.

Có nghĩa đến đại vận hoặc lưu niên có Quan thì tai hại

Kiều thần mừng nhất gặp những năm vận có Tài tinh, Quý Cháu thân nhược gặp phải là hoạ.

Tứ trụ Quý Cháu không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quan Vận

Quý Cháu có Quan ở vượng địa, rạng rỡ tổ tông.

Quý Cháu có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Cháu có Quan tinh đới Đào hoa, rất quý.

Thất Sát Quý Cháu có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quý Cháu có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Quý Cháu Mệnh gặp Át Bính Đinh, đời Không vong sinh vượng, ẩn sĩ trong núi.

Án Quý Cháu bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Cháu có Sát tàng Quan lộ, ẩn ác dương danh, ai mà gặp phải, danh chấn hương bang.

Nghề Nghiệp

Quý Cháu có Sát Án tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Cháu có Quan Án rõ ràng, nên học chính trị hay pháp luật.

Quý Cháu có Sát Án tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Cháu Ngũ hành cần thủy, hợp ngành nghề lưu động hoặc chức vụ ngoại giao.

Quý Cháu có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Nhật chủ quá yếu, hợp mấy nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Trụ Quý Cháu có Thiên Án (Kiêu), rất nhạy cảm với sự việc, cho nên hợp mấy nghề điều tra, trinh sát, tình báo, và cũng hợp những nghề không chính thống như nghệ nhân, mở quán, minh tinh, hoặc những nghề làm ăn dựa vào nhân duyên.

Quý Cháu có Chính Quan Thiên Án tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Tỷ Kiên và Kiếp Tài là hỷ dụng, hợp ngành nghề kinh doanh hùn hạp, công ty, cơ cấu có chia cổ phần, cũng có thể tay trắng làm nên.

Thực Thần cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bốc tinh tướng, tam giáo cứu lưu...

Quý Cháu có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là **Thủy**

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là **Thủy**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là **Mộc**

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là **Mộc**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ẩn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đình hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ Tuất, Hợi, Tý là

đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đưa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Cháu Trong Tứ trụ không có sao con, trụ giờ lại không vượng thì khi đến đại vận lưu niên nếu có quan sát vượng mới có con cái, quá vận đó thì không có con nữa.

Quý Cháu Quan tinh gặp vượng thì con cái lớn lên vinh hiển.

Trụ nhật Quý Cháu làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Cháu suy là sinh con gái.

Phàm trẻ em sinh vào ngày, giờ giáp ất, thì mặt có ấn đường rộng, mắt có thần, nhân trung dài, lông mày đẹp.

Sinh vào giờ nhâm, quý là người mắt to, ham rượu, tính liều.

Người sinh vào các giờ thìn, tuất, sửu, mùi thì lúc sinh ra nằm sấp.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Cháu có Can ngày và can giờ tương sinh cho nhau, nên sinh lần đầu là con gái.

Quý Cháu có Ấn thụ, kiều thần là khó có con.

Cung con cái Quý Cháu ở hưu, tù, tử, tuyệt, bệnh là có con cũng như không.

Trong trụ cung con cái Quý Cháu gặp mộ thì con cái không bệnh tật nhiều cũng bị lao ngục, hoặc tàn phế khó nuôi.

Quý Cháu thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Hoa cái Quý Cháu ở trụ giờ và thai là con nuôi.

Giờ sinh Quý Cháu ở thìn, tuất, sửu mùi phần nhiều là con nuôi.

Trong trụ Quý Cháu hàm trì nhiều là đưa con không được cha mẹ nuôi nấng.

Trụ giờ Quý Cháu đóng ở thiên ấn thì con cái tính hung dữ.

Trụ giờ Quý Cháu gặp hoa cái là người thân cô, có con nhưng cuối đời bị thương mà chết.

Quý Cháu Trong trụ có kim thủy thì đưa con chậm nói.

Trụ năm Quý Cháu làm thương tổn can ngày là cha và con không thân nhau.

Về dự đoán đưa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Cháu Kiều đoạt Thực nên thường có bệnh.

Mộc quá nhược hoặc tử tuyệt, phần nhiều bị vầng đầu, hoa mắt, khí huyết không điều hòa, tóc thưa và mềm, có hiện tượng đau thần kinh, nếu nghiêm trọng sẽ đau gan, mắt, tổn thương đùi và bàn chân.

Hỏa bị thủy khắc, mắt mờ.

Hỏa thổ làm khô hết Quý thủy, bệnh về mắt.

Ấn là hỏa thổ, nhiệt làm sinh đờm, tháo làm mình mẩy bị ngứa.

Thủy mộc sinh lẫn nhau, tỳ vị thương tổn.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp át bính đinh..., chi là tý sửu dần mao...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Cháu hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ấn**(Chánh Ấn), **Kiếp**(Phiến Ấn, Thiên Ấn), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Cháu hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Cháu có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Cháu chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980	Trụ Tháng 04	Trụ Ngày 16	Trụ Giờ 17:17
Thương Dưỡng CANH THÂN L.Quan Canh Mậu Nhâm Thương Mậu Kiếp Tài Dưỡng Q.Đới Mộ	Thương Dưỡng CANH THÂN Dưỡng Mậu Ất Quý Kiếp Sát T.Tài Q.Đới Q.Đới Dưỡng	Thân Tỷ Suy KỶ MÙI Q.Đới Kỷ Ất Đinh Tỷ Sát Kiêu Suy Q.Đới Suy	T.Tài Dưỡng QUỶ DẬU Bệnh Tân Thực Mộ

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Cháu Trai
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Cháu Trai
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Cháu Trai
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Cháu Trai

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình "thất sát hóa thành quyền binh"). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ẩn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Ẩn (Chánh ẩn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ẩn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ẩn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ẩn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ẩn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ẩn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghè.

Công năng của thiên ẩn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ẩn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ẩn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ẩn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ẩn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ẩn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghẻ lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó

tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tài (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em...

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì điểm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyển, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là "thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến". Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu át là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T. Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trứng thương, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ đục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cháu đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cháu. Quý Cháu có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cháu.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net